

CHUYỂN LOẠI CỦA TỪ TRONG TIẾNG VIỆT

Regrading of words in Vietnamese

Trần Hoàng Anh¹

Đặng Thanh Hải²

Tóm tắt

Bài viết khái quát các ý kiến đi trước về hiện tượng chuyển loại của từ trong tiếng Việt. Trên cơ sở đó, người viết tập trung phân tích các đặc trưng về mặt ngữ âm, ngữ pháp và ngữ nghĩa của từ chuyển loại trong sự so sánh với từ đồng âm và đa nghĩa. Từ đó đưa ra một số quy tắc chuyển loại cơ bản của lớp từ này, đồng thời khẳng định chuyển loại là một phương thức cấu tạo từ của tiếng Việt.

Từ khóa: từ loại, chuyển loại, từ chuyển loại, chuyển loại của từ, chuyển đi từ loại, kiêm loại, hiện tượng chuyển từ loại, hiện tượng cùng gốc khác loại.

1. Dẫn nhập

1.1. Hiện tượng chuyển từ từ loại này sang từ loại khác là một hiện tượng tồn tại điển hình, phổ biến trong các ngôn ngữ đơn lập như tiếng Việt. Chúng được xem là một trong những phương thức cấu tạo từ thường gặp. Trong lịch sử nghiên cứu tiếng Việt, khi phân loại từ theo từ loại, các nhà nghiên cứu cho rằng loại của từ không phải là bất di bất dịch, giữa các loại của từ có một bộ phận chuyển hóa lẫn nhau. Vậy bản chất của chuyển loại là gì? Bên cạnh đó, khi nghiên cứu hiện tượng chuyển loại trong tiếng Việt, chúng ta cần phân biệt hai dạng chuyển loại, đó là chuyển loại bên trong và chuyển loại bên ngoài. Hai dạng này được tạo ra theo hai phương thức khác nhau. Hơn nữa, các từ được tạo ra giữa hai loại đó có đặc điểm khác nhau.

Chuyển loại bên ngoài là hiện tượng trong tiếng Việt, các động từ, tính từ có thể chuyển hóa thành danh từ do sự tác động của yếu tố bên ngoài (yếu tố chuyên dùng, yếu tố công cụ ngữ pháp). Ví dụ: *Cái đẹp* (*đẹp* là danh từ), *nỗi buồn* (*buồn* là danh từ)

Đây là hiện tượng mà “*mỗi động từ, tính từ trong tiếng Việt có khả năng danh hóa do kết quả của cách thức tri nhận, bởi một danh từ tương ứng bằng cách kết hợp với một chỉ tố ngữ pháp nào đó*” (Đình Văn Đức 1986, tr.58). Hiện tượng

Abstract

The paper gives an overview of the conversion in Vietnamese. On that basic, it focuses on analyzing phonetic, grammatical and semantic features of the conversion in comparison with homonymous and polysemous phenomenon. Then, the paper provides some basic rules of the conversion and also affirms that the conversion is a word-formation means.

Keywords: part of speech, conversion, transfer of speech, moved out from the kind of cum, a shift from type, original and different kinds of phenomena.

chuyển loại bên ngoài diễn ra gắn với hoạt động giao tiếp, gắn với ngữ cảnh, có tính chất không cố định. Trong phần trình bày tiếp theo, chúng tôi sẽ không bàn nhiều về hiện tượng chuyển loại bên ngoài này.

Kiểu chuyển loại thứ hai là chuyển loại do chuyển hóa bên trong. Hiện tượng này diễn ra do sự thay đổi cơ cấu nghĩa của các loại từ, có tính quy tắc và tương đối ổn định, diễn ra phổ biến trong tiếng Việt và không phụ thuộc vào yếu tố chuyên dùng như chuyển loại bên ngoài.

1.2. Nghiên cứu về vấn đề chuyển loại của từ không thể tách rời với việc nghiên cứu vấn đề từ loại. Có nhiều ý kiến khác nhau về từ loại của từ trong tiếng Việt cũng như về hiện tượng chuyển loại của từ.

Nhóm quan niệm thứ nhất: Tiếng Việt không có từ loại (*nhất từ đa loại*). Đây là quan niệm của Lê Quang Trinh, Trương Văn Chính và Nguyễn Hiến Lê. Các tác giả cho rằng: “*tiếng Việt chỉ có từ không thôi, nhất loạt là đơn âm tiết*” (Trương Văn Chính và Nguyễn Hiến Lê 1963), không có danh từ, không có đại từ, số từ, động từ mà chỉ có từ. Từ có thể thuộc bất kể từ loại nào. “*Ý nghĩa cơ bản của chúng là do những từ đặt trước hay đặt sau mà có*” (Trương Văn Chính và Nguyễn Hiến Lê 1963).

Nhóm quan niệm thứ hai: Tiếng Việt có từ loại và có chuyển loại.

¹ Nghiên cứu sinh, Khoa Sư phạm Ngữ văn - Sư - Địa, Trường Đại học Đồng Tháp

² Cử nhân, Khoa Sư phạm TDTT, Trường Đại học Đồng Tháp

- I.X.Bystrov, Nguyễn Tài Căn, Đinh Văn Đức cho rằng: các từ có đặc trưng hỗn hợp các từ loại là từ *đồng âm*. Các tác giả trên, mặc dù có những cách tiếp cận khác nhau nhưng đều cho những loại từ vừa nói (các từ có đặc trưng hỗn hợp từ loại) là từ *đồng âm*.

- Tác giả Đỗ Hữu Châu lại cho rằng đây là hiện tượng *đa nghĩa* của từ. Quan điểm này có ưu điểm là đúng về các bình diện nghĩa của từ vựng mà xét các đơn vị từ vựng, do trong các hình thức này nghĩa của chúng có quan hệ mật thiết theo quan hệ hoán dụ.

- Một số tác giả khác như Diệp Quang Ban, Hồ Lê, Nguyễn Văn Tu, Hà Quang Năng,... cho các từ nêu trên là từ *chuyển loại* và bản chất của chúng khác từ *đồng âm*. Theo tác giả Diệp Quang Ban: “*Chuyển đi từ loại – chuyển loại – là một hiện tượng một từ khi thì dùng với ý nghĩa này và đặc điểm ngữ pháp của từ loại này, khi thì được dùng với ý nghĩa và đặc điểm ngữ pháp của từ loại khác*” (Diệp Quang Ban 1999).

Như vậy, để khẳng định chuyển loại là một phương thức cấu tạo từ trong tiếng Việt, một mặt phải xác định đặc trưng của các từ chuyển loại, chỉ ra quy tắc chuyển loại, mặt khác cần phải phân biệt từ chuyển loại với từ *đồng âm* và từ *đa nghĩa*.

2. Đặc trưng của hiện tượng chuyển loại

Như trên chúng tôi đã trình bày, cần xem xét hiện tượng chuyển loại là phương thức cấu tạo từ. Về mặt ngữ âm thì từ chuyển loại có hình thức *đồng âm*. Nó rất giống với từ *đa nghĩa* và từ *đồng âm*. Chính vì thế, để chỉ ra đặc trưng của từ chuyển loại cần so sánh với hiện tượng *đồng âm* và hiện tượng *đa nghĩa* để thấy sự khác biệt giữa hiện tượng chuyển loại với những hiện tượng này.

Xét đặc trưng hiện tượng chuyển loại, chúng ta cần phải xét trên cả ba phương diện là ngữ âm, ngữ nghĩa và ngữ pháp giữa đơn vị gốc và đơn vị phái sinh.

- Về mặt ngữ âm, từ chuyển loại giữ nguyên vô âm thanh của đơn vị gốc. *Muối* trong *hạt muối* và *muối* trong *muối dưa*, *cà* là *đồng nhất* về âm thanh. Tương tự như vậy, *cày* trong *cái cày* và *cày* trong *đi cày* là *phát âm đồng nhất*.

- Về mặt ngữ nghĩa, từ chuyển loại chuyển nghĩa từ nghĩa của đơn vị gốc theo quy luật nhưng trong quá trình chuyển nghĩa, cấu trúc nghĩa của đơn vị phái sinh đã có sự đổi khác so với đơn vị

gốc. Số lượng nét nghĩa khác nhau và xuất hiện những nét nghĩa mới thuộc phạm trù từ loại khác. Sự sắp xếp, tổ chức các nét nghĩa của đơn vị phái sinh đã khác về bản chất so với đơn vị gốc. Nó đã đại diện cho một đơn vị mới mang tính từ loại mới.

Chẳng hạn: *Cày* trong *đẽo cày giữa đường* có các nét nghĩa: “[công cụ của nhà nông], [dùng để lật đất, chuẩn bị trồng trọt]”. Ngược lại *Cày* trong *tôi đã cày xong thửa ruộng*: “[hoạt động], [sử dụng công cụ là cày] [để lật đất chuẩn bị trồng trọt]”.

Chúng ta thấy rằng nghĩa của hai từ có quan hệ với nhau là quan hệ hoán dụ: công cụ - hoạt động sử dụng công cụ. Tuy nhiên, nét nghĩa *hoạt động* là nét nghĩa mới, thuộc phạm trù từ loại khác nên cách sắp xếp tổ chức các nét nghĩa trong cấu trúc nghĩa của hai từ đã khác nhau. Chúng ta có thể hình dung điều này qua sơ đồ sau:

Cày (trong cái cày): Công cụ => mục đích, chức năng của công cụ

Cày (trong đã cày): Hoạt động => phương tiện hoạt động => mục đích, chức năng của hoạt động

Như vậy, bản chất của hiện tượng chuyển loại trong tiếng Việt chính là sự chuyển nghĩa làm biến đổi cấu trúc nghĩa của từ. Dựa vào những tư liệu đã có, chúng tôi thấy rằng sự biến đổi cấu trúc nghĩa của từ khi cấu tạo từ theo phương thức chuyển loại diễn ra theo những hướng chủ yếu sau:

Có thể liệt kê một hoặc một số nghĩa vị (nghĩa tố) trong cấu trúc nghĩa của từ được cấu tạo bằng chuyển loại. Nhưng phổ biến hơn cả là hiện tượng mở rộng cấu trúc nghĩa khi chuyển loại. Thông thường từ nào có cấu trúc nghĩa phức tạp hơn là từ chuyển loại.

Ví dụ: *Muối* (danh từ): tinh thể màu trắng, có vị mặn, thường tách ra từ nước biển, dùng để ăn.

Muối (động từ): hoạt động, dùng muối cho vào thịt, cá, rau, quả để giữ được lâu hoặc làm thức ăn chín, thay đổi mùi vị.

Tuy nhiên, giống như GS. Hoàng Phê đã phân tích và kết luận: Trong một số trường hợp, có thể căn cứ vào dấu hiệu chức năng ngữ pháp thường trực (đơn vị gốc) và không thường trực để xác định đơn vị mới được chuyển loại (đơn vị phái sinh). Ví dụ: *nhân dân* trong *Nhân dân Việt Nam rất cần cù* là đơn vị gốc (danh từ), *nhân dân* trong *Quân đội nhân dân* hay *Chính quyền nhân dân* là đơn vị phái sinh, từ chuyển loại (tính từ) (Hoàng Phê 1975).

- Về mặt ngữ pháp: vì cấu trúc nghĩa của từ chuyển loại đã khác từ gốc nên kéo theo đó là đặc điểm ngữ pháp của đơn vị phái sinh cũng khác. Điều này thể hiện ở khả năng kết hợp của từ cũng như khả năng đảm nhận chức năng ngữ pháp của chúng.

Ví dụ: Cái đũa này // khá sắc. Tôi // đang đũa cái bàn.

CN VN. CN VN.

Hoặc: Cái cưa này // rất bén. Tôi // đang cưa mấy cành xoài bi sấu.

CN // VN. CN // VN

Mỗi từ loại đều có khả năng kết hợp điển hình và phân biệt với khả năng kết hợp của từ loại khác. Bản chất của hiện tượng chuyển loại là do sự chuyển nghĩa làm cho cấu trúc nghĩa của từ phái sinh thay đổi, kéo theo sự thay đổi về ngữ pháp. Từ thuộc loại này trở thành một từ mới thuộc loại khác trong khi vô âm thanh không thay đổi. Chính vì vậy mà khả năng tham gia của từ vào những tổ hợp khác nhau đặc trưng cho những từ loại khác nhau sẽ được coi là dấu hiệu của hiện tượng chuyển loại. Cùng với tiêu chuẩn ngữ nghĩa, khả năng kết hợp của từ, khả năng đảm nhận chức năng ngữ pháp của từ phải được coi là một tiêu chuẩn bắt buộc khi xác định hiện tượng chuyển loại trong tiếng Việt.

Nếu chúng ta so sánh hiện tượng chuyển loại với hiện tượng đa nghĩa và hiện tượng đồng âm thì chúng ta sẽ thấy rằng hiện tượng chuyển loại có những điểm khác biệt.

Chuyển loại khác với đồng âm về bản chất. Tuy hai hiện tượng này nếu xét về mặt ngữ âm là giống nhau. Chúng đều có vô âm thanh đồng nhất. Nhưng nếu xét về mặt ngữ nghĩa thì chuyển loại và đồng âm lại khác xa nhau. Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm thanh nhưng khác nhau về nghĩa. Nói cách khác, đó là hai từ đồng nhất về ngữ âm nhưng ngữ nghĩa không liên quan đến nhau. Ngược lại, một số từ chuyển loại có vô ngữ âm giống nhau, có nghĩa khác nhau nhưng có lại liên hệ với nhau như trên ta đã phân tích.

Đa nghĩa và chuyển loại đều là kết quả của sự chuyển nghĩa của từ theo quy luật. Chính vì vậy giữa các nghĩa của từ đa nghĩa cũng như giữa các nghĩa của từ chuyển loại, chúng có quan hệ ngữ nghĩa với nhau. Song sự khác nhau giữa hai loại này là ở chỗ, các nghĩa của từ đa nghĩa có cùng một cấu trúc nghĩa, thuộc một từ loại nên khả năng kết hợp cũng như khả năng đảm nhận chức năng ngữ pháp của từ khi dùng với nghĩa nào cũng như

nhau. Còn với các từ chuyển loại, nghĩa của chúng có cấu trúc nghĩa khác nhau, thuộc các phạm trù từ loại khác nhau nên khả năng kết hợp cũng như khả năng đảm nhận chức năng ngữ pháp của các từ chuyển loại là khác nhau.

Mặt khác, các từ chuyển loại được tạo ra có tính đồng loạt, mang tính quy tắc và diễn ra với tất cả các từ loại.

Như vậy, chuyển loại là một phương thức cấu tạo từ, nhờ đó mà một từ mới thuộc phạm trù từ loại này được tạo ra từ một từ loại khác mà vẫn giữ nguyên vô âm thanh, đồng thời tạo ra ý nghĩa mới có quan hệ nhất định với ý nghĩa của từ xuất phát và có những đặc trưng ngữ pháp mới thể hiện ở khả năng kết hợp và chức năng làm thành phần câu khác với đặc trưng của đơn vị xuất phát.

3. Một số quy tắc chuyển loại cơ bản

Như chúng ta đã khẳng định, chuyển loại là một phương thức cấu tạo từ trong tiếng Việt. Vì vậy, về nguyên tắc, hiện tượng này có thể xảy ra ở tất cả mọi từ loại. Sau đây, chúng tôi sẽ trình bày một số quy tắc chuyển loại cơ bản, xoay quanh các từ loại: danh từ, động từ, tính từ.

3.1. Thục từ chuyển thành thực từ

3.1.1. Động từ chuyển thành danh từ và tính từ

3.1.1.1. Động từ chuyển thành danh từ

a. Động từ biểu thị hoạt động chuyển thành danh từ chỉ đồ vật, sự vật, kết quả hoạt động đó. Ví dụ: *bước, di chúc, kỉ họa, đăng kí, cuộn, buộc, gói, chỉ thị, thông báo, tổng kết, báo cáo, ...*

b. Động từ biểu thị hành động điển hình đặc trưng cho một người hoặc một nhóm người được dùng để chỉ nghề, chức năng của một tầng lớp người. Ví dụ: *đạo diễn, kế toán, đặc công, do thám, phiên dịch, trinh sát, cướp, trộm, chỉ huy, chủ tọa, ...*

c. Động từ chỉ hoạt động chuyển thành danh từ chỉ các đồ vật, công cụ để thực hiện hành động đó. Ví dụ: *kích, chần, kè, xít, bom, ...*

d. Động từ biểu thị hoạt động trừu tượng chuyển thành danh từ chỉ tên hành động, trạng thái được coi là kết quả của hành động. Ví dụ: *khởi nghĩa, khủng bố, cách mạng, kháng chiến, bố cục, kết cấu, chuyên chính, cam đoan, cam kết, kỉ niệm, ...*

3.1.1.2. Động từ chuyển thành tính từ

a. Động từ biểu thị hoạt động, trạng thái cảm xúc, tình cảm của con người chuyển thành tính từ

biểu thị thuộc tính, phẩm chất của trạng thái đó. Ví dụ: *chùng, căng, tóm tắt, khái quát, quyến rũ, kêu gọi, chán, ...*

b. Động từ biểu thị hành động chuyển thành tính từ biểu thị tính chất, thuộc tính của sự vật có liên quan đến hành động, cách thức hành động đó. Ví dụ: *khùng, gương, kén, kè nhẹ, kêu, kên, in, ...*

3.1.2. Danh từ chuyển thành tính từ và động từ

3.1.2.1. Danh từ chuyển thành tính từ

a. Danh từ chỉ bộ phận cơ thể người hoặc sự vật có đặc điểm, tính chất, chức năng nhất định được dùng để chỉ đặc điểm tính cách, trí tuệ, tâm lí con người. Ví dụ: *tai mắt, đầu óc, ruột thịt, miệng lưỡi, gân guốc, mồm mép, gan, gang thép, sắt son, sành sỏi, sắt đá, gai góc, ...*

b. Danh từ chỉ người, động vật, thực vật có tính chất, đặc điểm, màu sắc, kích thước, đặc trưng nào đó được dùng để biểu thị đặc trưng đó. Ví dụ: *chúa, bọm, nhân dân, dân tộc, kiệt tác, cao su, gấu, dê, du côn, đế vương, anh hùng, quê, ác ôn, bác học, ...*

c. Danh từ chỉ một số loại sâu bọ, côn trùng chuyển thành tính từ chỉ trạng thái, tính chất của sự vật do côn trùng, sâu bọ làm hư hại. Ví dụ: *mối, sâu, mọt, hà, ...*

d. Các danh từ chỉ khái niệm, phạm trù, quan niệm về tự nhiên, xã hội được dùng để chỉ tính chất, phẩm chất theo đánh giá của con người. Ví dụ: *kĩ thuật, hiệu quả, hòa bình, hạnh phúc, mĩ thuật, nghệ thuật, kiểu cách, mốt, điệu, hàn lâm, khoa học, văn minh, văn hóa, nhân đạo, chuẩn mực, hình thức, danh tiếng, ...*

3.1.2.2. Danh từ chuyển thành động từ

a. Danh từ gọi tên sự vật, chất liệu có thể chuyển thành động từ biểu thị hoạt động dùng hoặc để có được sự vật chất liệu đó. Ví dụ: *thịt, muối, gang, băng, ...*

b. Danh từ chỉ công cụ chuyển thành động từ biểu thị những hoạt động cơ bản khi sử dụng những công cụ đó. Ví dụ: *cuốc, cưa, cày, bom, khóa, xích, chốt, cang, đục, bào, còng, ...*

c. Danh từ biểu thị tên gọi trừu tượng chuyển thành động từ chỉ hoạt động trừu tượng. Ví dụ: *hợp đồng, âm mưu, hệ thống, ảnh hưởng, giới hạn, công tác, ...*

3.1.3. Tính từ chuyển thành động từ và danh từ

a. Tính từ biểu thị phẩm chất, đặc điểm của sự vật, hiện tượng chuyển thành động từ chỉ hành động. Ví dụ: *cố định, hoàn chỉnh, hoàn thiện, kiên định, bậy bạ, gián lược, ...*

b. Tính từ biểu thị phẩm chất, đặc điểm của người, sự vật, hiện tượng chuyển thành danh từ chỉ người, vật, hiện tượng có phẩm chất, đặc điểm đó. Ví dụ: *xuân, già, trẻ, bí mật, ...*

3.2. Thực từ chuyển thành hư từ

3.2.1. Danh từ chuyển thành quan hệ từ: *trên, dưới, của.*

Ví dụ:

- **Trên** bảo, **dưới** nghe. => danh từ
- **Trên** ghé bà **dằm** ngoi **đít** vịt, => quan hệ từ
- **Dưới** sân ông **cử** ngỗng **đầu** rồng. => quan hệ từ
- Rừng là **của** quý **cần** phải bảo vệ => danh từ
- Rừng **của** chúng ta => quan hệ từ

3.2.2. Động từ chuyển thành quan hệ từ: *cho, ở, để, đến.*

Ví dụ:

- Tôi **cho** bạn một cái áo mới. => động từ
- Tôi **lấy cho** bạn một cái áo mới. => quan hệ từ
- Tôi **ở** khách sạn. => động từ
- Tôi đang **ngồi ở** khách sạn. => quan hệ từ
- **Để** kem vào thùng đá. => động từ
- Phòng **để** tiếp khách. => quan hệ từ
- **Đến** đây **để** chơi. => động từ
- **Quan tâm đến** chính trị. => quan hệ từ

3.2.3. Động từ chuyển thành phụ từ: *ra, vào, lên, xuống, sang, qua, về, lại, ...*

Ví dụ:

- Tôi **vào** Nam còn anh **ra** Bắc. => động từ
- Tôi **đi vào** Nam còn anh **ta đi ra** Bắc. => phụ từ
- Tôi **lên** rừng còn anh **xuống** biển. => động từ
- Tôi **đi lên** rừng còn anh **đi xuống** biển. => phụ từ
- Tôi **sang** (qua, về, lại) nhà anh chơi. => động từ
- Tôi **đi sang** (qua, về, lại) nhà anh chơi. => phụ từ

4. Kết luận

4.1. Qua khảo sát, chúng tôi thấy rằng hiện tượng chuyển loại của từ trong tiếng Việt diễn ra rộng khắp, có tính đồng loạt và có quy luật. Điều này được minh chứng trên cơ sở các quy tắc chuyển loại giữa các loại từ mà chúng tôi đã đề cập ở trên. Bên cạnh đó, qua thống kê sơ bộ, chúng tôi thấy từ chuyển loại trong tiếng Việt chiếm số lượng lớn. Tất nhiên tỉ lệ chuyển loại giữa các từ loại là không ngang nhau. Theo Hà Quang Năng, trong tiếng Việt, danh từ có tỉ lệ chuyển loại cao nhất (1716 đơn vị, chiếm 49%), sau đó đến động từ (1335 đơn vị, chiếm 37.4%) và cuối cùng là tính từ (483 đơn vị, chiếm 13.6%) (Hoàng et al. 1998).

4.2. Từ chuyển loại là lớp từ có đặc trưng riêng về ngữ âm, ngữ pháp và ngữ nghĩa. Đa nghĩa và chuyển loại là hệ quả của quá trình chuyển nghĩa theo quy tắc cho nên nghĩa của đơn vị gốc và đơn vị phái sinh thuộc hai hiện tượng này là có quan hệ với nhau, không tách rời. Chính vì vậy, hiện tượng chuyển loại có cơ chế chuyển nghĩa chung, giống với hiện tượng chuyển nghĩa của từ đa nghĩa. Tuy nhiên, khác với từ đa nghĩa, trong cơ chế chuyển nghĩa của từ chuyển loại có sự thay đổi

về cơ cấu nghĩa. Đặc biệt là nét nghĩa mới (của từ chuyển loại) ở đơn vị phái sinh đã thuộc phạm trù từ loại khác so với đơn vị gốc. Do vậy, kéo theo sự chuyển nghĩa của từ là hiện tượng chuyển loại về ngữ pháp. Cho nên khả năng kết hợp cũng như khả năng đảm nhận chức năng ngữ pháp của đơn vị phái sinh ở hiện tượng chuyển loại là khác đơn vị gốc. Có thể nói cách khác rằng: đa nghĩa là hiện tượng của một từ, còn chuyển loại hiện tượng của các từ cùng gốc.

Ở một sự đối sánh khác, chuyển loại cũng không phải là đồng âm vì bản chất của hai hiện tượng này khác nhau. Nếu như đồng âm là hiện tượng của các từ chỉ giống nhau về ngữ âm (ngẫu nhiên) cho nên nghĩa của chúng không liên quan đến nhau thì hiện tượng chuyển loại lại là hiện tượng từ một từ, do nghĩa của từ đó phát triển theo quy tắc; nhưng trong sự phát triển nghĩa của từ có sự thay đổi về cơ cấu nghĩa rồi dẫn tới chuyển loại. Cho nên giữa các từ chuyển loại đồng nhất về ngữ âm, nghĩa của từ có quan hệ với nhau, vừa đồng nhất vừa khác biệt. Như vậy có thể kết luận: chuyển loại là một phương thức cấu tạo từ của tiếng Việt.

Tài liệu tham khảo

- Diệp, Quang Ban. 1999. *Ngữ pháp tiếng Việt, tập 1*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn, Tài Cẩn. 1975. *Ngữ pháp tiếng Việt, Tiếng – Từ ghép – Đoàn ngữ*. NXB Đại học và Trung học Chuyên nghiệp.
- Nguyễn, Tài Cẩn. 1975. *Từ loại danh từ trong tiếng Việt*. NXB Đại học và Trung học Chuyên nghiệp.
- Trương, Văn Chình, Nguyễn, Hiến Lê. 1963. *Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam*. Trường Đại học Huế.
- Đình, Văn Đức. 1986. *Ngữ pháp tiếng Việt – Từ loại*. NXB Đại học và Trung học Chuyên nghiệp.
- Le, Quang Trinh. 1911. *Etudes sur la langue annamite*. P.
- Hoàng, Văn Hành, Hà, Quang Năng, Nguyễn, Văn Khang. 1998. *Từ tiếng Việt – hình thái, cấu trúc, từ láy, từ ghép, từ chuyển loại*. NXB Khoa học Xã hội.
- Hồ, Lê. 1976. *Vấn đề cấu tạo của từ tiếng Việt*. NXB Khoa học Xã hội.
- Nguyễn, Văn Tu. 1976. *Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại*. NXB Đại học và Trung học Chuyên nghiệp.
- Hoàng, Phê. 1975. *Phân tích ngữ nghĩa, Ngôn ngữ, số 2*.